



lǚ cái
铝材

noun · aluminum material

Example Sentences

zhè zhǒng lǚ cái hěn qīng
这种铝材很轻。

This type of aluminum material is very light.

gōng chǎng yòng lǚ cái zhì zào mén chuāng
工厂用铝材制造门窗。

The factory uses aluminum material to make doors and windows.

huí shōu lǚ cái kě yǐ jiǎn shǎo néng yuán xiāo hào
回收铝材可以减少能源消耗。

Recycling aluminum material can reduce energy consumption.

Trace each character, then write the word on your own.

铝	铝	铝	铝	铝	铝	铝	铝	铝	铝	铝
铝	铝	铝								
材	材	材	材	材	材	材	材	材	材	